

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03A/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2025

V/v: tranh chấp Hôn nhân và
Gia đình”.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mai Khanh

Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 395/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 504/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thái Công L, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm H, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang cư trú tại: CHLB Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, anh Thái Công L trình bày:

Anh L và chị Trần Thị Ngọc kết H với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 06/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian. Năm 2023, chị N đi lao động ở Đức từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung. Hiện tại, anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Trần Thị Ngọc

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Thái Thị Hoài S, sinh ngày 26/4/2020. Vợ chồng ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi con và không yêu

cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và nợ: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Trần Thị N: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu chị Trần Thị N có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị N theo thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại chị N vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì. Theo trình bày của bà Đậu Thị M (mẹ của chị N) thì chị N hiện đang sinh sống tại CHLB Đ, có điện thoại về cho bà M nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của chị N; chị N đã biết việc anh L làm đơn ly hôn chị tại Tòa án, nhưng chị N không có ý kiến gì. Đến ngày xét xử vụ án chị N không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Theo kết quả trả lời của Phòng Q Công an tỉnh Q thì chị Trần Thị N có thông tin xuất cảnh và hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, theo bà Đậu Thị M (mẹ của chị N) cung cấp thông tin hiện nay chị N đang đi xuất khẩu lao động ở CHLB Đ, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng chị N thường xuyên gọi điện thoại về cho gia đình; chị N đã biết được việc anh L xin ly hôn và không có ý kiến gì. Việc chị N vắng mặt được xác định cố tình giấu địa chỉ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xử cho anh L được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh L và chị N có 01 con chung là cháu Thái Thị Hoài S, sinh ngày 26/4/2020 hiện đang ở cùng anh L; chị N đang ở nước ngoài chưa có ý kiến gì. Vì vậy, cần giao con chung cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng; chị N có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

- Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Thái Công L trình bày chị Trần Thị N đang ở

CHLB Đ nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của chị Trần Thị N là bà Đậu Thị M (mẹ của chị N) thì được cung cấp thông tin là hiện nay chị N đang đi xuất khẩu lao động ở CHLB Đ, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng chị N thường xuyên gọi điện cho gia đình. Ngày 22/10/2024, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q có Công văn số 4320/XNC(Đ1) cung cấp thông tin chị Trần Thị N xuất cảnh ngày 22/9/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Do chị Trần Thị N trước khi xuất cảnh có địa chỉ cuối cùng tại tỉnh Nghệ An và hiện nay đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Đậu Thị M (mẹ của chị N) cung cấp hiện nay chị N đang đi xuất khẩu lao động ở CHLB Đ nhưng không biết địa chỉ cụ thể; chị N vẫn gọi điện thoại về cho gia đình và đã biết được anh L khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng chị N không có ý kiến gì. Như vậy, chị N đã biết được anh L yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ và vắng mặt tại phiên tòa là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Vì vậy, căn cứ Điều 207; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Anh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị Ngọc. Xét thấy, anh Thái Công L, chị Trần Thị Ngọc kết H với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau. Hiện anh L đang ở Việt Nam, chị N ở nước ngoài, không liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho anh Thái Công L được ly hôn chị Trần Thị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Thái Thị Hoài S, sinh ngày 26/04/2020 đang ở với anh L. Hiện nay, chị N đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chưa có ý kiến. Anh L đang ở Việt Nam có nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, giao con chung Thái Thị Hoài S cho anh Thái Công L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Thái Công L không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Trần Thị N vắng mặt chưa có ý kiến nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Anh Thái Công L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia

định; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Thái Công L được ly hôn với chị Trần Thị N

2. Về con chung: Giao con chung Thái Thị Hoài S, sinh ngày 26/4/2020 cho anh Thái Công L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh Thái Công L chưa yêu cầu chị Trần Thị N cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Thái Công L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013188 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Thái Công L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Thái Công Long vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Chị Trần Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Xuân Hòa, h.Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh